

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 481/2019/DS-PT

Ngày 25 - 9 - 2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
hủy GCNQSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Vũ Ngọc Huỳnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 406/2017/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy GCN quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2369/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Võ Thị Ngọc N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 391A, ấp P, xã Tân P, thành phố Sa, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ngọc G, sinh năm 1983

Địa chỉ: số 40 khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Bà Trần Thị A, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 390, ấp P, xã Tân P, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi: Luật sư Võ Thị T – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Anh Võ Đức H, sinh năm 1994

3.2. Anh Võ Đức K, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Số 390, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1922; địa chỉ: Số 536, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Bà Võ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1962;

3.5. Anh Võ Thành T, sinh năm 1980;

3.6. Chị Lê Thị T, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Số 391, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Ông Võ Thành T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 390, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Bà Võ Ngọc A, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Anh Võ Thành L, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

3.10. Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

3.11. Anh Võ Thành Th, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 391/1, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.12. Chị Võ Thị Ngọc Th, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 40, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. Chị Võ Thị Ngọc Th2, sinh năm 1990;

Số 391A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.14. Chị Võ Thị Ngọc D (Wu Shih, Yu-Yan), sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 219, đường phố II Quốc Phú, Ấp 37, phường Q, thị xã H, huyện H, Trung Quốc.

3.15. Bà Võ Thị Ngọc T (Wu, Shih Yu-Cuei), sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 01, Hẻm 387, đường Cát An đoạn II, thôn K, xã C, huyện H, Đài Loan, Trung Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Nguyễn Thị H, Võ Thị Ngọc Đ, Võ Thành T, Lê Thị T, Võ Thành T, Võ Ngọc A, Võ Thành L, Nguyễn Thị Bích T, Võ Thành Th, Võ Thị Ngọc Th, Võ Thị Ngọc Th2, Võ Thị Ngọc D, Võ Thị Ngọc T là ông Đặng Quang G, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 40, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.16. Ủy ban nhân dân thành phố S;

- Người kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Đức H, Võ Đức K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc N trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp của cha chị là ông Võ Thành H (chết năm 2003) và mẹ là bà Hà Thị H (chết năm 2011) để lại diện tích 2.800m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào 26/12/1991 đứng tên ông Võ Thành H. Khi cha chết thì các con, trong đó có chồng của chị Trần Thị A là anh Võ Thành Tr (chết ngày 31 tháng 5 năm 2004) thống nhất cho mẹ là bà Hà Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cha chết bà H có cho con là anh Võ Thành T là 245m² vào năm 2004, năm 2010 cho con là anh Võ Thành Th 152,9m², đến ngày 07/01/2011 cho chị 1.691,7m², phần còn lại cho anh Võ Thành T.

Trước đây, vào năm 1996 anh Võ Thành Tr là người con thứ 4 của ông H, bà H cưới vợ là chị Trần Thị A nên cha mẹ mới cho cất nhà ở tạm trên phần đất nêu trên ngang 4m x dài 9m, tổng diện tích 36m². Sau đó, vợ chồng chị A tự mở rộng thêm như hiện nay. Ban đầu thì ý định của cha mẹ là cho anh T và chị A phần diện tích này, nhưng sau này anh T chết, do phần đất này của ông bà tổ tiên để lại nên không đồng ý cho chị A nữa vì sợ chị A có chồng khác hoặc bán phần đất này. Vào năm 2005 thì chị A có cam kết với mẹ chồng là bà H khi nào chị A có chồng khác hoặc bà H có nhu cầu sử dụng thì trả đất lại.

Nay chị yêu cầu chị A và các con của chị A phải đi dời nhà và toàn bộ cây trồng, tài sản có trên đất để trả lại cho chị tổng diện tích là 162,4m², chị đồng ý hỗ trợ đi dời là 50.000.000đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị H, Võ Thị Ngọc Đ, Võ Thành T, Lê Thị T, Võ Thành T, Võ Ngọc A, Võ Thành L, Nguyễn Thị Bích T, Võ Thành Th, Võ Thị Ngọc Th, Võ Thị Ngọc Th, Võ Thị Ngọc D, Võ Thị Ngọc T thống nhất không tranh chấp phần đất này vì phần đất này là của chị N nên chị N có toàn quyền quyết định.

Bị đơn bà Trần Thị A trình bày:

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha, mẹ chồng chị là ông H và bà H cho vợ chồng chị cất nhà ra ở riêng vào năm 1996, vợ chồng chị cùng các con ở cho tới nay. Việc cha mẹ cho đất thì không giấy tờ gì nhưng vào ngày 28/7/2005 thì bà H có xác nhận quyền sở hữu căn nhà này cho chị với diện tích là 126m². Từ khi cha mẹ cho vợ chồng chị đất để ở tới nay không có mở rộng thêm. Ngày 31/5/2004 anh Võ Thành Tr chết. Nay chị và các con không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của chị N mà chị cùng các con yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất này theo sơ đồ đo đạc của Tòa án và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị N để cấp lại cho mẹ con chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Anh H và anh K: Thống nhất ý kiến chị A.
- + UBND thành phố S không có ý kiến và xin vắng mặt tất các giai đoạn tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, đã quyết định:

Căn cứ Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 203 của luật Đất đai; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Võ Thị Ngọc N.

Buộc bà Trần Thị A, anh Võ Đức H và Võ Đức K có nghĩa vụ trả giá trị 36,4m² cho chị Võ Thị Ngọc N với số tiền là: 25.480.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị A.

Công nhận cho bà Trần Thị A, anh Võ Đức H và Võ Đức K được tiếp tục sử dụng diện tích đất 162,4m², thuộc một phần thửa 153, tờ bản đồ số 32, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 16, 1.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 162,4m², thuộc một phần thửa 153, tờ bản đồ số 32, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 16, 1 để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị A, anh Võ Đức H và Võ Đức K.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí chi phí tố tụng, sơ đồ đo đạc, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 10/10/2017, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Ngoan kháng cáo yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất tranh chấp là 162,4m².

Ngày 12/10/2017, bị đơn bà Trần Thị A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm không thống nhất trả giá trị 36,4m² đất là 25.480.000đ cho bà Võ Thị Ngọc N.

Ngày 13/10/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Đức H và ông Võ Đức K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm không thống nhất trả giá trị 36,4m² đất là 25.480.000đ cho bà Võ Thị Ngọc N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại diện tích 36,4m² thừa để làm lối đi cho các gia đình phía sau với diện tích khoảng 2m x 18,2m.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn: Tại phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu mở lối đi nhưng sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu lối đi nên tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định giải quyết bằng vụ án khác là có căn cứ. Thực tế chưa có ai đi nhờ đất của bà A, chứng tỏ trên đất bà A không có lối đi nào, nếu phải chừa lối đi cho nguyên đơn thì sẽ cắt vào căn nhà của chị A làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình chị A. Đề nghị chấp nhận kháng cáo chị A, anh H, anh K không phải trả tiền diện tích 36,4 m². Đối với yêu cầu mở lối đi chỉ phát sinh từ phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Đức H và Võ Đức K đồng ý để 36,4m² làm lối đi chung cho các dân phía sau nhưng cần phân bố để lối đi chung không cắt vào nhà của bị đơn.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về hình thức đơn kháng cáo của các đương sự lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là thiếu sót mà cần xác định “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

Về nội dung: Đối với phần diện tích 126m² tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trả diện tích 126m² đất mà bà A, anh H, anh K đang trực tiếp quản lý là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn đã rút yêu cầu đòi lại diện tích 116m² đất, đồng ý cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sở hữu nên cần giữ y án phần này. Đối với phần đất chênh lệch 36,4m² tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận chừa diện tích này làm lối đi chung cho các hộ dân phía sau nhưng không thỏa thuận được vị trí trong toàn bộ thửa đất. Vì vậy, hủy phần diện tích 36,4m² thỏa thuận này để tòa án sơ thẩm, đo đạc lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Đức H, Võ Đức K nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án hủy quyết định cá biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị xã Sa Đéc đã cấp cho bà N, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là thiếu sót mà cần xác định “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, các bên đương sự đều thừa nhận ông H, bà H khi còn sống đã cho vợ chồng ông Tr, bà A cất nhà và sử dụng phần đất đang tranh chấp từ năm 1996 đến nay. Ngày 09/7/2005 bà Hà Thị H làm giấy xác định đã cho đất bà A và anh Võ Đức H, Võ Đức K với nội dung: *“Nay con dâu tôi là cô Trần Thị A có xin tách hộ tôi có hai cháu nội tôi là: Võ Đức H và Võ Đức K số đất dài 18m, rộng 7m. Với số đất này tôi chỉ đồng ý để cho cô Trần Thị A và hai cháu Võ Đức H – Võ Đức K ở, chứ không được bán và một khi cô Trần Thị A đi thêm bước nữa thì phải dời nhà đi nơi khác. Vì đây là đất của Ông – Bà để lại, tôi không thể để người dung ở.”* Đến ngày 28/7/2005 bà H tiếp tục xác nhận trong Đơn xin xác nhận chủ sở hữu căn nhà ngày 28/7/2005 của bà A để làm thủ tục tách hộ khẩu với diện tích 126m²; dài 18m, ngang 7m. Như vậy có thể khẳng định ý chí của ông H, bà H tặng cho bà A, anh H và anh K một phần diện tích 126m² thuộc thửa 153, tờ bản đồ số 32, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Hiện tại bà A và hai con vẫn ở phần đất này, ngoài ra chưa có phần đất nào khác, và bà A cũng chưa kết hôn với người khác. Đồng thời theo Công văn số 65/UBND-NC ngày 8/4/2013 của UBND thị xã Sa Đéc thể hiện việc kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H và bà N cũng chưa đảm bảo đúng pháp luật. Do vậy tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trả phần diện tích 126m² đất bà A, anh H, anh K đang trực tiếp quản lý sử dụng là có cơ sở.

Căn cứ theo sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 04/11/2016 thì diện tích tranh chấp là 162,4m², thửa 36,4m² so với diện tích được cho. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo, đòi diện tích 126m² đất đồng ý để gia đình bà A sở hữu. Do vậy, đối với phần diện tích này cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với diện tích 36,4m² chênh lệch thừa ra thì nguyên đơn yêu cầu trả lại để làm lối đi chung cho các gia đình phía sau nhà nguyên đơn và bị đơn với diện tích khoảng 2m x 18,2m. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ về lối đi của các hộ phía sau nhà bà A và bà N, họ xác nhận không có lối đi chung nào mà phải đi cặp theo nhà của ông Tín bà N để đi ra lộ nông thôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng đồng ý trả lại diện tích 36,4m² để làm lối đi chung nhưng không thỏa thuận cụ thể được tại vị trí nào trên toàn bộ thửa đất. Đây là tình tiết mới tại giai đoạn phúc thẩm nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không có lỗi.

Như vậy, đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Đức H và ông Võ Đức K không thống nhất trả giá trị 36,4m² đất là 25.480.000đ cho bà Võ Thị Ngọc N, thì như phân tích ở trên các bên đã thống nhất để diện tích 36,4m² làm lối đi chung chứ không sở hữu phần này, nên bà A, anh H, anh K không phải trả giá trị tương đương diện tích đất cho bà N.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét thấy cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm về phần diện tích 36,4m² (162,4m² – 126m²) để tòa án sơ thẩm đo vẽ và xác định lại vị trí mở lối đi cho các

hộ dân phía sau nhà bà N và bà A các phần còn lại của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các đương sự không chịu án phí.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc N

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Đức H và Võ Đức K.

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phần diện tích 36,4m² để xác định cụ thể vị trí lối đi chung của các hộ dân phía sau nhà bà N và bà A.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần:

Công nhận cho bà Trần Thị A, anh Võ Đức H và Võ Đức K được tiếp tục sử dụng diện tích đất 126 m², thuộc một phần thửa 153, tờ bản đồ số 32, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (Diện tích mốc cụ thể tòa án sẽ đo đạc lại theo quy định).

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 989072 cấp ngày 07/01/2011 đối với phần diện tích 126 m², thuộc một phần thửa 153, tờ bản đồ số 32, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp của chị Võ Thị Ngọc N để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị A, anh Võ Đức H và Võ Đức K, mốc cụ thể sẽ đo đạc lại theo quy định sau khi trừ đi diện tích 36,4m² đất trong diện tích 162,4m² để làm lối đi chung.

II. Án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị Ngọc N, bà Trần Thị A, anh Võ Đức H, anh Võ Đức K không chịu 300.000 đồng án phí, được hoàn lại án phí theo biên lai thu 17334 ngày 10/10/2017, số 17344 ngày 12/10/2017, số 17353 ngày 16/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

III. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Đường sự (18)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 29b (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân